1. Sử dụng PHPMyAdmin import file **Bai\_tap\_ve\_nha\_MySQL/demo\_database.sql** lên cơ sở dữ liệu của bạn. Sau khi import, hãy viết các câu truy vấn CSDL theo các mô tả sau:
   1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers

SELECT \* FROM customers

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có customerName chứa chuỗi ký tự ‘model’

SELECT \* FROM customers WHERE customerName LIKE '%model%'

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có country là USA và có creditLimit lớn hơn 10000

SELECT \* FROM customers WHERE country = 'USA' AND creditLimit > 10000

* 1. Lấy thông tin 10 khách hàng đầu tiên từ bảng customers mà có state không rỗng

SELECT \* FROM customers WHERE state is NOT NULL LIMIT 10

* 1. Lấy thông tin tất cả các khách hàng từ bảng customers có phone chứa chuỗi “40”, sắp xếp theo chiều giảm dần của trường customerNumber

SELECT \* FROM customers WHERE phone LIKE '%40%' GROUP BY customerNumber DESC

* 1. Tạo mới bảng **users**, gồm các thông tin về các field/column như sau:
  + Trường **id**, khóa chính, tự động tăng, kiểu dữ liệu INT, độ dài tối đa 11 ký tự, không cho phép null
  + Trường **username**, kiểu dữ liệu VARCHAR, độ dài tối đa 255 ký tự, không cho phép null
  + Trường **password**, kiểu dữ liệu VARCHAR, độ dài tối đa 255 ký tự, không cho phép null
  + Trường **gender**, kiểu dữ liệu TINYINT, độ dài tối đa 3 ký tự, cho phép null
  + Trường **description**, kiểu dữ liệu TEXT, không giới hạn độ dài tối đa, cho phép null
  + Trường **birthday**, kiểu dữ liệu DATETIME, cho phép null
  + Trường **date\_created**, kiểu dữ liệu TIMESTAMP, tự động nhận ngày tháng tại thời điểm hiện tại mỗi khi thêm bản ghi mới. Cú pháp khai báo có dạng: <tên-trường> TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP

CREATE TABLE users(

id INT(11) NOT NULL AUTO\_INCREMENT,

username VARCHAR(255) NOT NULL,

password VARCHAR(255) NOT NULL,

gender TINYINT(3),

description TEXT,

birthday DATETIME,

date\_created TIMESTAMP DEFAULT CURRENT\_TIMESTAMP,

PRIMARY KEY (id)

);

* 1. Thực hiện thêm dữ liệu mới cho bảng users vừa tạo ở ý **f,** các dữ liệu mới đc mô tả như sau:
  + User 1 có username = nvmanh1, password = 123456, gender = 1, description = Đây là user nvmanh1, birthday = 05/01/1990
  + User 2 có username = nvmanh2, password = 654321, gender = 0, description = Đây là user nvmanh2, birthday = 23/02/1998
  + User 3 có username = nvmanh3, password = 1234567890, gender = 2, description = Đây là user nvmanh3, birthday = 05/06/1994
  + User 4 có username = nvmanh4, password = 111111, gender = 2, description = Đây là user nvmanh4, birthday = 22/02/2022

INSERT INTO `users` (`username`, `password`, `gender`, `description`, `birthday`)

VALUES

('nvmanh1', '123456', 1, 'Đây là user nvmanh1', '1990-01-05'),

('nvmanh2', '654321', 0, 'Đây là user nvmanh2', '1998-02-23'),

('nvmanh3', '1234567890', 2, 'Đây là user nvmanh3', '1994-06-05'),

('nvmanh4', '111111', 2, 'Đây là user nvmanh4', '2022-02-22');

* 1. Từ bảng users vừa tạo, hãy sửa username của user mà có id = 2, username sau khi sửa có giá trị mới = user\_edited

UPDATE users SET username = 'user\_edited' WHERE id = 2

* 1. Từ bảng users vừa tạo, hãy xóa user có username là nvmanh4

DELETE FROM users WHERE username = 'nvmanh4'